

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2018/HS-ST
Ngày: 31-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Sơn
2. Ông Trần Quyết Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Âu Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2018/TLST-HS ngày 20/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HS ngày 16/8/2018 đối với bị cáo:

Vàng Mí P tên gọi khác: Vàng Nỏ P; sinh năm 1977 tại xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn TMT, xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; con ông: Vàng SV(đã chết) bà: Tráng Thị M1, sinh năm 1947; có vợ: Vừ Thị M2, sinh năm 1982 và con: Có 04 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: tốt.

Bị cáo bị bắt ngày 10/3/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vàng Mí P: bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hà Giang.

- Người làm chứng:

1. Lầu SS– Sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn ST, xã ST2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.

2. Hàu Dững M2 – Sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn LT, xã ST2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.

3. Sùng CV– Sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn ST, xã ST2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.

4. Sùng Thị M3 – Sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn ST, xã ST2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.

5. Lầu VS- Sinh năm 1980; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 6. Lầu DN- Sinh năm 1969; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 7. Lầu Sáy P – Sinh năm 1975; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 8. Thảo ML- Sinh năm 1992; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 9. Vừ MV- Sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn TCT, xã ST2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 10. Vừ MM- Sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn P Xí, xã Lũng Táo, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 11. Sùng PD- Sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn TMT, xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 12. Vàng MS1- Sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn TMT, xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 13. Vàng VS2- Sinh năm 1964; Nơi cư trú: Thôn TMT, xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 14. Lầu ML3- Sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 15. Vừ MP- Sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn MC2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 16. Vừ ML4- Sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn MC2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 17. Vừ Mí P – Sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn MC2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
 18. Sùng NC4- Sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn TMT, xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.
- Người phiên dịch tiếng Mông: Bà Hầu Thị Hà; Địa chỉ: tổ 6, phường MK5, thành phố HG, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2016 âm lịch (*tức khoảng 3/2016*), Cháng Mí K (*tức Cháng Dững K*), cư trú tại thôn SH A, xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang (*ngày 28/12/2017 âm lịch K đã chết*) đi cùng một người tên N6 (*là chủ thuê lao động người Trung Quốc*) đến nhà Vàng Mí P (*tức Vàng Nở P*) rủ P đi Trung Quốc làm thuê, công việc là phát cỏ, trồng cây, bón phân cho cây, tiền công lao động được trả là 100NDT (*một trăm Nhân dân tệ*)/1 người/1 ngày; N6 bảo Vàng Mí P tìm được người Việt Nam đưa đi Trung Quốc làm thuê cho N6 thì N6 sẽ trả tiền công cho P với số tiền 150NDT (*một trăm năm mươi Nhân dân tệ*)/1 người. Ai có nhu cầu ứng trước tiền công lao động thì N6 sẽ cho ứng từ 1000NDT (*một ngàn Nhân dân tệ*) đến 2.000NDT (*hai ngàn Nhân dân tệ*)/1 người. P đồng ý và nhận lời tìm

người Việt Nam đưa đi Trung Quốc làm thuê cho N6, N6 đưa cho P 1000NDT (*một ngàn Nhân dân tệ*) tiền công P tìm người, đưa người Việt Nam đi Trung Quốc làm thuê cho N6. Trong khi K và N6 đang ở nhà P thì có Vàng Chia S5, cư trú cùng thôn với P đến nhà P chơi, P hỏi S5 có đi Trung Quốc làm thuê không, công việc là phát cỏ, trồng cây, bón phân cho cây, tiền công lao động được trả 100NDT (*một trăm Nhân dân tệ*)/1 người/1 ngày, tiền công lao động được thanh toán đầy đủ, nếu đi thì P đưa đi. S5 đồng ý và yêu cầu được ứng trước tiền công lao động, N6 đưa cho S5 ứng 2.000NDT (*hai ngàn Nhân dân tệ*), P bảo S5 hôm nào đi thì P sẽ báo cho S5 biết.

Sau khi Vàng Mí P đồng ý và nhận lời tìm người Việt Nam đưa đi Trung Quốc làm thuê cho N6, Vàng Mí P đã tìm người và tổ chức 03 lần đưa tổng số 34 người Việt Nam (Trong đó có 02 người con trai ruột của P là Vàng Mí T5 và Vàng Mí L5) vượt biên giới trái phép để đi Trung Quốc làm thuê, cụ thể:

Lần 1: Sau khi K và N6 về, P trực tiếp đi đến nhà Lầu Su S5, ở thôn ST và Hàu Dững M3 ở thôn LT, xã ST2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang rủ S5 và M3 đi Trung Quốc làm thuê, công việc là phát cỏ, trồng cây, bón phân cho cây; tiền công lao động được trả 100NDT (*một trăm Nhân dân tệ*)/1 người/1 ngày, có nhu cầu ứng trước tiền công lao động thì chủ thuê lao động người Trung Quốc sẽ cho ứng từ 1000NDT (*một ngàn Nhân dân tệ*) đến 2.000NDT (*hai ngàn Nhân dân tệ*)/1 người, tiền công lao động được thanh toán đầy đủ. S5, M3 đồng ý đi Trung Quốc làm thuê và yêu cầu được ứng trước tiền công lao động mỗi người 2.000NDT (*hai ngàn Nhân dân tệ*). Khoảng 02 ngày sau K và N6 đến nhà P, P gọi cho Lầu SS và Hàu Dững M3 đến nhà P, đi cùng S5 và M3 còn có 03 người là: Hàu Mí N6 ở thôn LT, xã ST2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Sùng Chá Và, Sùng Dững Lùng đều ở thôn ST, xã ST2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang đến nhà P (*những người này do nghe tin biết P đang tìm người đi Trung Quốc làm thuê nên đi cùng S5, M3 đến nhà P để hỏi P, xin P cùng đi Trung Quốc làm thuê*). Tại nhà P, N6 (Người Trung Quốc) cho mỗi người ứng trước tiền công lao động là 2.000NDT (*hai ngàn Nhân dân tệ*). Riêng Lầu SS ứng 4000NDT (*bốn ngàn Nhân dân tệ*) tiền công lao động của hai vợ chồng S5. Sau khi ứng tiền xong, P thống nhất với những người này là 16 giờ chiều ngày hôm sau tập trung tại khu vực biên giới thuộc thôn Nhù Sang, xã Lũng Táo, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang để P đưa đi Trung Quốc Làm thuê. Như đã hẹn, ngày hôm sau P gọi Vàng Chia S5 cùng đi đến khu vực biên giới thuộc thôn Nhù Sang, xã Lũng Táo, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang thì có 06 người đã chờ P tại đây là: Lầu Su S5, Sùng Thị M3 (vợ S5), Sùng Chá V, Sùng Dững L cùng cư trú tại thôn ST, xã ST2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Hàu Dững M3 và Hàu Mí N6 (*con trai M3*) cùng cư trú tại thôn LT, xã ST2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang. Sau đó P đưa 07 người cùng đi bộ vượt biên giới sang Trung Quốc và giao cho N6, sau đó N6 đưa mọi người đi bằng xe mô tô khoảng 02 giờ đồng hồ rồi tiếp tục đi xe ô tô đi sâu vào nội địa Trung Quốc khoảng 08 giờ đồng hồ thì đến nơi làm việc. P cùng 07 người làm thuê cho N6 tại đây với công việc là phát cỏ, trồng cây, bón phân cho cây. Khoảng 03 tháng sau thì tất cả cùng về Việt Nam, trước khi về tất cả được N6 thanh toán đầy đủ tiền

công lao động, ngoài ra N6 trả thêm cho P 150NDT (*một trăm năm mươi Nhân dân tệ*) tiền công đưa người đi Trung Quốc làm thuê cho N6.

Lần 2: Sau khi về Việt Nam, khoảng đầu tháng 7/2016 âm lịch (*tức khoảng tháng 8/2016*), P tiếp tục tìm và đưa người đi Trung Quốc làm thuê cho N6 với mục đích để được hưởng tiền công tìm người. P đến nhà Lầu Văn Say, cư trú tại thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang (*tại nhà Lầu Văn S, P gặp Lầu Dũng N6, Lầu Sáy P, cư trú cùng thôn với Lầu Văn S*). Ngoài ra còn có Vàng Mí Nhù, cư trú cùng thôn với P; Thào Mí M3, Thào MV(*tức Thào Chúng Vừ*) cư trú tại thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang (*đến nhà P*); Vừ S5 Vừ, cư trú tại thôn Lầu Chá Tùng, xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang (*P gặp ở đường*); Lầu Mí Dính, cư trú tại thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang (*P gặp tại chợ xã SH, huyện ĐV*). Quá trình gặp những người trên P đã rủ đi Trung Quốc làm thuê, P nói: đi Trung Quốc làm thuê công việc là phát cỏ, trồng cây, bón phân cho cây, tiền công lao động được trả 100NDT (*một trăm Nhân dân tệ*)/1 người/1 ngày, đảm bảo được thanh toán đầy đủ tiền công lao động, ai có nhu cầu ứng trước tiền công lao động thì chủ thuê lao động người Trung Quốc sẽ cho ứng từ 1000NDT(*một ngàn Nhân dân tệ*) đến 2.000NDT (*hai ngàn Nhân dân tệ*)/1 người. Lầu VS2(*tức Lầu Văn Say*), Lầu Dũng N6, Lầu Sáy P, Vàng Mí Nhù, Thào Mí M3, Thào Mí Vừ, Vừ S5 Vừ, Lầu Mí Dính đồng ý đi Trung Quốc làm thuê nên P gọi điện thoại thông báo cho N6 biết, P tìm được người đưa đi Trung Quốc làm thuê cho N6 để N6 mang tiền đến nhà P cho những người đã đồng ý đi Trung Quốc làm thuê ứng trước tiền công lao động. Sau đó N6 đến nhà P nói với P hiện nay chỉ có 6000NDT (*sáu ngàn Nhân dân tệ*), còn những người nào chưa được ứng tiền thì cứ đi làm thuê cho N6 khoảng 01 tháng sau thì N6 sẽ cho ứng tiền. P thông báo cho những người đến ứng tiền, gồm: Vừ S5 Vừ ứng 2000NDT (*hai ngàn Nhân dân tệ*) tiền công lao động của hai bố con Vừ S5 Vừ, Vừ Mí Chứ; còn Lầu Sáy P, Lầu Mí Dính, Lầu DN và Thào MV mỗi người ứng 1000NDT (*một ngàn Nhân dân tệ*). Khoảng 4 đến 5 ngày sau, P gọi điện thoại cho N6, hẹn N6 đến đón mọi người tại biên giới, rồi P thông báo cho những người đã đồng ý đi Trung Quốc làm thuê biết là khoảng 15 giờ (*không rõ ngày*) khoảng đầu tháng 7/2016 (*âm lịch*) tập trung tại nhà P để P đưa đi Trung Quốc làm thuê. Theo lời hẹn của P tất cả có 09 người tập trung tại nhà P, gồm: Lầu Văn Say, Lầu Dũng N6, Lầu Sáy P, Lầu Mí Dính, Thào Mí M3, Thào MV(*tức Thào Chúng Vừ*), cư trú tại thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Vàng Mí Nhù, cư trú cùng thôn với P; Vừ S5 Vừ, Vừ Mí Chứ, cư trú tại thôn Lầu Chá Tùng, xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang. Sau đó P đưa 09 người trên đi đến khu vực biên giới thuộc thôn Nhù Sang, xã Lũng Táo, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang (*lúc đó khoảng 17 giờ*) để cùng vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc, P giao 09 người trên cho N6 rồi quay về Việt Nam. N6 đưa 09 người đi sâu vào nội Trung Quốc làm thuê cho N6 cùng một nơi, công việc là phát cỏ, trồng cây, bón phân cho cây, được khoảng 02 đến 03 tháng thì số người này quay về Việt Nam (*có người về trước, có người về sau*). Khi về N6 không thanh toán tiền công đầy đủ mà chỉ trả cho mỗi người khoảng từ 500NDT (*năm trăm Nhân dân tệ*) đến 1500NDT (*một ngàn năm trăm Nhân dân tệ*).

Lần 3: Sau khi P đưa 09 người Việt Nam vượt biên trái phép đi Trung Quốc làm thuê cho N6 (lần 2), P tiếp tục đến nhà những người sau rủ đi Trung Quốc làm thuê, gồm: Sùng PD(tức Sùng Pà Chơ), Vàng Mí S5, Vàng VS(tức Vàng Mí Say), cư trú cùng thôn với P (tại nhà Vàng Văn Say, P gặp Lầu Mí Lùng, cư trú tại thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Sùng Nhì Chính, cư trú cùng thôn với P); Vừ Mí Phình, cư trú tại thôn MC2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang (tại nhà Phình, P gặp Vừ Mí Ly, Vừ Mí P (tức Vừ Chúa P), Sùng Chá Linh (tức Sùng Mí Linh) đều cư trú cùng thôn với Phình). Ngoài ra còn có Ly Chá Phứ, cư trú tại thôn Chừ Lùng, xã TPT, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Vừ Mí Mua, cư trú tại thôn P Xí, xã Lũng Táo, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang gọi điện thoại cho P để hỏi việc đi Trung Quốc làm thuê. Quá trình gặp và trao đổi với những người này P đều nói: đi Trung Quốc làm thuê công việc là phát cỏ, trồng cây, bón phân cho cây, tiền công lao động được trả 100NDT (một trăm Nhân dân tệ)/1 người/1 ngày, đảm bảo được thanh toán đầy đủ tiền công lao động, ai có nhu cầu ứng trước tiền công lao động thì chủ thuê lao động người Trung Quốc sẽ cho ứng từ 1000NDT(một ngàn Nhân dân tệ) đến 2.000NDT (hai ngàn Nhân dân tệ)/1 người nên những người này đồng ý đi Trung Quốc làm thuê. P gọi điện thoại thông báo cho N6 biết là P đã tìm được người đưa đi Trung Quốc làm thuê cho N6 để N6 mang tiền đến nhà P cho những người này ứng trước tiền công lao động, N6 bảo P cứ nói với những người đi làm thuê là khoảng 01 tháng sau thì N6 sẽ cho ứng tiền và bảo P đưa người đi qua đường biên giới thuộc thôn Sáo Lùng, xã Lũng Cú, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang, N6 sẽ đón ở bên kia biên giới. Sau đó P thông báo cho những người đã đồng ý đi Trung Quốc làm thuê biết hiện nay chưa có tiền để ứng trước, cứ đi làm khoảng 01 tháng sau thì sẽ cho ứng tiền và hẹn 17 giờ (không rõ ngày cụ thể, khoảng tháng 8/2016 âm lịch) tập trung tại khu vực biên giới thuộc thôn Sáo Lùng, xã Lũng Cú, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang để P đưa đi Trung Quốc làm thuê. Như đã hẹn, P dùng xe mô tô của P chở 02 con trai P là Vàng Mí L5 và Vàng Mí T5 đi đến tại khu vực biên giới thuộc thôn Sáo Lùng, xã Lũng Cú, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang để đi Trung Quốc làm thuê, khi đến nơi thì có tổng số 16 người, gồm: Sùng PD(tức Sùng Pà Chơ), Vàng Mí S5, Vàng VS(tức Vàng Mí Say), Sùng Nhì Chính, cư trú cùng thôn với P; Lầu ML3 cư trú tại thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Vừ Mí Phình, Vừ Mí Ly, Vừ Mí P (tức Vừ Chúa P), Sùng Chá Linh (tức Sùng Mí Linh), Vừ Thị M1 (là vợ Linh) cùng cư trú tại thôn MC2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Ly Chá Phứ, Ly Mí Lữ (là con trai Ly Chá P5), cư trú tại thôn Chừ Lùng, xã TPT, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Vừ Mí Mua, cư trú tại thôn P Xí, xã Lũng Táo, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Hầu Sìa Vàng, cư trú tại thôn Há Đề A, xã Tả Lùng, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang; Thào Mí Say, Thào Thị Say (là vợ Thào Mí Say), cùng cư trú tại thôn ST, xã Lũng Táo, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang (Hầu Sìa Vàng, Thào Mí Say, Thào Thị Say do nghe tin biết nên cùng đi Trung Quốc làm thuê) đã tập trung tại đây. P bảo tất cả 16 người cùng 02 con trai P là Vàng Mí L5 và Vàng Mí T5 (tổng số 18 người) đi bộ vượt biên giới sang Trung Quốc sẽ có người đón tại bên kia biên giới, còn P đứng tại đó chờ, sau đó P điện thoại cho N6 được biết N6 đã đón được số người trên rồi P mới quay về nhà. Khoảng 01 tháng sau, N6 đến nhà P đưa cho P 17000NDT (mười bảy ngàn Nhân dân tệ) để P đưa cho người nhà

của những người mà P đã đưa đi Trung Quốc làm thuê chưa được ứng tiền công lao động, mỗi người được ứng 1000NDT (*một ngàn Nhân dân tệ*), (*riêng gia đình Lầu sáy P, cư trú tại thôn SL2, xã SL2, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang ứng 2000NDT*). Khoảng 02 tháng Sau khi P đưa người đi Trung Quốc làm thuê (*lần 3*), P tiếp tục đi Trung Quốc làm thuê cho N6 (*cùng làm với số người mà P đã đưa đi*), khoảng 02 tháng thì tất cả cùng về Việt Nam (*ăn tết Nguyên đán năm 2017*). Trước khi về mỗi người được N6 trả 1000NDT (*một ngàn Nhân dân tệ*), N6 bảo sau khi ăn tết xong tiếp tục đi Trung Quốc làm thuê cho N6 thì N6 sẽ thanh toán nốt số tiền công còn lại. Nhưng đến ngày 26/12/2016 (*âm lịch*) P cùng số người trên cùng đi Trung Quốc gặp N6 để đòi N6 thanh toán nốt số tiền công lao động còn nợ trước đó nhưng N6 không trả hết mà chỉ trả thêm cho mỗi người 500NDT (*năm trăm Nhân dân tệ*) nên ngày 28/12/2016 âm lịch tất cả cùng quay trở về Việt Nam.

Quá trình Vàng Mí P tìm người, đưa người đi Trung Quốc làm thuê cho N6, P được hưởng lợi ích vật chất từ N6 là 1150NDT (*một ngàn một trăm năm mươi Nhân dân tệ*).

Vật chứng vụ án

- 01 (Một) xe M1 nhãn hiệu HONDA; biển kiểm sát 23N1-068.81; loại xe WAVE RSX; số M1 JC43E5694126; số khung 4328AY221526; màu sơn Đen – Đỏ (xe cũ đã qua sử dụng). Xe có đặc điểm sau: không có gương chiếu hậu bên phải; đầu mặt nạ bên trái bị vỡ nứt; đèn pha, chấn bunn, cánh yếm hai bên bị xước nham nhở, phần cuối cánh yếm bên trái bị vỡ; không có nắp bảo vệ nhôm xích phía dưới; đế chân phía trước bên trái bị hỏng; đế chân bên trái phía sau bị cong về phía trước; ống xả bị móp, xước; đầu tay phanh bị xước nham nhở; phần cao su phía cuối yên xe bị rạn nứt.

- 01 (Một) đăng ký xe M1 số 001489 mang tên Vàng Mí P, sinh năm 1977, trú tại xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang.

- 01 (Một) chìa khóa xe M1.

- 03 (Ba) cuốn sổ ghi chép việc chấm công cho số công dân Việt Nam đi Trung Quốc làm thuê.

Tại bản kết luận điều tra số 07/KLĐT ngày 5/6/2018 của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang: Trước Cơ quan điều tra bị can đã thành khẩn khai nhận toàn bộ quá trình phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố: Bị cáo Vàng Mí P về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 2 Điều 275 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố Bị cáo Vàng Mí P phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

- Áp dụng khoản 2 Điều 275, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, BLHS năm 1999;

Xử phạt bị cáo Cử Mí Chú từ 6 đến 7 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ ngày 10/3/2018.

- Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 42 BLHS 1999 trả lại cho bị cáo Vàng Mí P 01 (Một) xe M1 nhãn hiệu HONDA; biển kiểm sát 23N1-068.81; loại xe WAVE RSX; số M1 JC43E5694126; số khung 4328AY221526; màu sơn Đen – Đỏ (xe cũ đã qua sử dụng); 01 (Một) chìa khóa xe M1, 01 (Một) đăng ký xe M1 số 001489 mang tên Vàng Mí P.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 106 BLTTHS, Điều 41 BLHS 1999 tịch thu tiêu hủy 03 (Ba) cuốn sổ ghi chép việc chấm công cho số công dân Việt Nam đi Trung Quốc làm thuê.

Án phí buộc bị cáo P phải chịu 200.000đ án phí theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo P đồng thuận với quan điểm của Đại diện VKS tham gia phiên tòa về tội danh, Điều luật áp dụng và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo P từ 5 đến 6 năm tù.

Tại phiên tòa bị cáo Vàng Mí P thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo Vàng Mí P phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai trong giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo đã rủ rê và tổ chức đưa 34 người sang Trung quốc lao động theo thỏa thuận với đối tượng N6 người Trung Quốc.

Người làm chứng Vừ MM tại phiên tòa trình bày gặp P ở chợ và được P rủ sang Trung Quốc làm thuê thời gian khoảng tháng 8/2016, thời gian làm thuê bên Trung Quốc là 02 tháng, đã được trả tiền công là 1000NDT, còn thiếu 1000NDT chưa được trả, có đến nhà P đòi tiền 01 lần. Việc đi sang Trung Quốc làm thuê không làm thủ tục xuất nhập cảnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo **Vàng Mí P** không có ý kiến khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa có mặt người làm chứng Vừ MM còn lại vắng mặt tất cả những người làm chứng khác. Xét thấy trong quá trình điều tra những người làm chứng đã có lời khai, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 BLTTHS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Vàng Mí P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo Vàng Mí P phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai trong giai đoạn điều tra từ bút lục 81 đến bút lục 89; phù hợp với lời khai của những người làm chứng trong quá trình điều tra từ bút lục 123 đến bút lục 196 cũng như lời khai của người làm chứng có mặt tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Cụ thể vì lợi ích kinh tế nên khi được ông chủ người Trung Quốc hứa hẹn sẽ trả công tìm và đưa người sang Trung Quốc lao động làm thuê là 150NDT/người, nên Vàng Mí P đã nhận lời

tìm và đưa người sang Trung Quốc lao động trái phép. Bị cáo là người trực tiếp bàn bạc, thống nhất với ông chủ người Trung Quốc về tiền công tìm người và công việc, tiền công lao động. Là người trực tiếp nhận tiền từ ông chủ người Trung Quốc và đem tiền về chi ứng cho những người đi lao động, P đã tổ chức đưa tổng số 34 người (Trong đó có 02 người con trai ruột của P là Vàng Mí T5 và Vàng Mí L5) sang Trung Quốc lao động và cũng trực tiếp đi làm cùng trong lần 1 và lần thứ 3, bản thân P được N6 trả cho tiền công tìm người là 1150NDT. Như vậy, căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa khẳng định hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài thuộc trường hợp phạm tội được quy định tại khoản 2 Điều 275 BLHS năm 1999, cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố: Bị cáo Vàng Mí P về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 275 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội.

Tại thời điểm xét xử, BLHS 2015 đã có hiệu lực pháp luật. Đối chiếu tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài quy định tại Điều 275 BLHS năm 1999 và tội Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép quy định tại Điều 349 BLHS 2015 thì các khung hình phạt quy định mức hình phạt không có lợi cho người phạm tội. Do đó VKSND tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo P ra trước TAND tỉnh Hà Giang về tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài theo khoản 2 Điều 275 BLHS 1999 là đúng người, đúng tội, HĐXX áp dụng BLHS 1999 để xét xử đối với bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Vàng Mí P là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý của nhà nước về lĩnh vực xuất nhập cảnh, xâm phạm đến trật tự an ninh biên giới. Mặc dù bị cáo không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép cho việc tuyển người và đưa người lao động ra nước ngoài làm việc nhưng bị cáo Vàng Mí P đã đứng ra trao đổi, thống nhất và nhận lời với đối tượng N6 (Người Trung Quốc) về việc tìm người và tổ chức đưa người sang Trung Quốc cho N6 nhằm mục đích hưởng lợi (N6 hứa nếu Chứ tìm được người đưa sang Trung Quốc thì N6 sẽ trả công cho P là 150NDT/người). Quá trình tìm người, đưa người đi Trung Quốc làm thuê, bị can Vàng Mí P được hưởng lợi 1150NDT (*một ngàn một trăm năm mươi Nhân dân tệ*).

[5] Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc tổ chức người khác ra nước ngoài khi không được phép của cơ quan có thẩm quyền là vi phạm pháp luật, bị cáo cũng biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép mới được phép tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với nước ngoài. Nhưng vì muốn được hưởng lợi kiếm tiền công tìm người của đối tượng N6 người Trung Quốc, bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, đưa 34 công dân Việt Nam sang Trung Quốc làm thuê, không làm thủ tục xuất nhập cảnh là trái quy định của pháp luật. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện sống và làm việc theo pháp luật, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm này.

Tuy nhiên khi xem xét mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật hạn chế, những người bị cáo tổ chức trốn đi nước ngoài đều là những người có nhu cầu đi lao động để tăng nguồn thu nhập; bị cáo chưa có tiền án tiền sự nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Đối với Chàng Mí K, cư trú tại thôn SH A, xã SH, huyện ĐV, tỉnh Hà Giang, hiện nay đã chết nên HĐXX không tiến hành xem xét vai trò của K trong vụ án này.

[7] Đối với người đàn ông Trung Quốc có tên là N6: Là người thỏa thuận, lôi kéo Vàng Mí P, N6 hứa hẹn trả tiền công tìm người, đưa người đi Trung Quốc làm thuê cho P. Do N6 (P chỉ biết tên là N6, không biết họ, địa chỉ cụ thể của N6) là người Trung Quốc nên Cơ quan ANĐT không đủ điều kiện để điều tra, xác minh nhân thân, lai lịch, cũng như thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh vai trò liên quan của N6 trong vụ án này.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 (Một) xe M1 nhãn hiệu HONDA; biển kiểm sát 23N1-068.81; loại xe WAVE RSX; số M1 JC43E5694126; số khung 4328AY221526; màu sơn Đen – Đỏ (xe cũ đã qua sử dụng). 01 (Một) chìa khóa xe M1, là 01 (Một) đăng ký xe M1 số 001489 mang tên Vàng Mí P. Xét thấy đây là tài sản chung của gia đình bị cáo đã bán trâu mua năm 2013 phục vụ cho sinh hoạt đi lại của gia đình bị cáo, HĐXX thấy cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS, Điều 42 BLHS 1999 trả lại cho bị cáo

Đối với vật chứng 03 (Ba) cuốn sổ ghi chép việc chấm công cho số công dân Việt Nam đi Trung Quốc làm thuê, HĐXX thấy không còn giá trị sử dụng cần áp dụng điểm c khoản 3 Điều 106 BLTTHS, Điều 41 BLHS 1999 tịch thu tiêu hủy .

[9] Đối với quan điểm về áp dụng điều luật và mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát và Người bào chữa đề nghị áp dụng đối với bị cáo Vàng Mí P là có căn cứ đúng quy định pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[10] Bị cáo Vàng Mí P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 của BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vàng Mí P (*tên gọi khác: Vàng Nở P*) phạm tội Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 275, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999;

Xử phạt bị cáo Vàng Mí P 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ ngày 10/3/2018.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 42 BLHS 1999 trả lại cho bị cáo Vàng Mí P 01 (Một) xe M1 nhãn hiệu HONDA; biển kiểm sát 23N1-068.81; loại xe WAVE RSX; số M1 JC43E5694126; số khung 4328AY221526; màu sơn Đen – Đỏ (xe cũ đã qua sử dụng); 01 (Một), chìa khóa xe M1, 01 (Một) đăng ký xe M1 số 001489 mang tên Vàng Mí P .

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 106 BLTTHS, Điều 41 BLHS 1999 tịch thu tiêu hủy 03 (Ba) cuốn sổ ghi chép việc chấm công cho số công dân Việt Nam đi Trung Quốc làm thuê.

Tình trạng đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an tỉnh và cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang ngày 19/6/2018.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vàng Mí P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- PV 27; PA92; PC 81;
- Trại tạm giam thuộc CA tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân